TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 130/2019/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 26 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 299/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Trần Sỹ Th, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Sỹ Th là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 30 tháng 5 năm 1993, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 7 năm 2019, ông Th và bà T xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông Th và bà T thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Sỹ Th có 04 con chung là Trần Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 1993, Trần Nguyễn Hạ U, sinh năm 1995, Trần Gia A, sinh ngày

01/01/2003 và Trần Nguyễn Thiên Q, sinh ngày 22/02/2013. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Gia Ivà sự thỏa thuận giữa bà T với ông Th, nay giao cho ông Th trực tiếp nuôi hai cháu Gia I và Thiên Q đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), còn Trần Nguyễn Huyền Tr và Trần Nguyễn Hạ U đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở bà thực hiện quyền này.

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Sỹ Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Sỹ Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Sỹ Th thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Sỹ Th 04 con chung là Trần Nguyễn Huyền T, sinh năm 1993, Trần Nguyễn Hạ U, sinh năm 1995, Trần Gia I, sinh ngày 01/01/2003 và Trần Nguyễn Thiên Q, sinh ngày 22/02/2013. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Gia I và sự thỏa thuận giữa bà T với ông Th, nay giao cho ông Th trực tiếp nuôi hai cháu Gia I và Thiên Q đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Đối với Trần Nguyễn Huyền T và Trần Nguyễn Hạ U đã trưởng thành nên ông Th và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở bà T thực hiện quyền này.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Sỹ Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0010051 ngày 25 tháng 6 năm

2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ; nên ông Th và bà T đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thái